| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TIÊN LÃNG**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 37/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 15 - 11 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Chỉnh.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Phạm Văn Tiến.

Ông Vũ Đình Bảng.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Nguyện – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố H Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2019/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 31/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị H, sinh năm 19XX; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn H, sinh năm 19XX; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị H và anh Phạm Văn H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Phục, huyện Tiên Lãng, thành phố H Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 26/10/1996.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên từ năm 2015 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H xác nhận: Tình cảm vợ chồng không còn, mâu

thuẫn đã trầm trọng, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Ngọc C, sinh năm 1999 và Phạm Thị Kiều T, sinh ngày 08/11/2004, hiện cháu C đã thành niên, chị H không yêu cầu giải quyết. Do cháu T đang ở cùng với anh H nên chị đề nghị giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn trình bày ý kiến và đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn H trình bày: Anh H đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án, nhưng do bận công việc nên anh H không thể tham gia tố tụng tại Tòa án. Anh H thống nhất với chị H về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian kết hôn, về con chung và tài sản chung cũng như về nguyên nhân mâu thuẫn. Anh H xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, hai người đã có thời gian dài sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa, nay chị H có yêu cầu xin ly hôn thì anh H đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Ngọc C, sinh năm 1999 đã thành niên, anh H không yêu cầu giải quyết, anh H nhận nuôi cháu Phạm Thị Kiều T, sinh ngày 08/11/2004. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình, kết quả cho thấy: Chị H và anh H tự nguyện kết hôn với nhau năm 1996 có đăng ký kết hôn theo luật định, đến nay vợ chồng có 02 con chung. Sau khi kết hôn, chị H và anh H chung sống tại thôn Lật Khê, xã Quang Phục, huyện Tiên Lãng, thành phố H Phòng. Quá trình chung sống: Hai bên chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau nên sau đó hai bên đã sống ly thân.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án thu thập đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị H có yêu cầu ly hôn, anh H cũng đồng ý. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Về con chung: Căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các bên, giao con chung Trang Phạm Thị Kiều T, sinh ngày 08/11/2004 cho anh H trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn H; địa chỉ: Thôn Lật Khê, xã Quang Phục, huyện Tiên Lãng, thành phố H Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố H Phòng.

[2] Về thủ tục tố tụng tại Tòa: Bị đơn là anh Phạm Văn H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Lê Thị H và anh Phạm Văn H tuân thủ đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh H đã trầm trọng, hai bên đã có thời gian dài sống ly thân cho thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị H có yêu cầu được ly hôn với anh H, anh H nhất trí lý hôn. Căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Ngọc C, sinh năm 1999 và Phạm Thị Kiều T, sinh ngày 08/11/2004. Đối với cháu C đã thành niên, cả hai bên đều không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối cháu T, anh H có yêu cầu được nuôi con, chị H có đề nghị giao cho anh H nuôi. Xét, anh H đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, mặt khác cháu T có nguyện vọng được ở với anh H. Do vậy việc giao cháu Trang cho anh H trực tiếp nuôi là phù hợp với yêu cầu của các bên cũng như nguyện vọng của con và các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các bên, giao con chung Phạm Thị Kiều T, sinh ngày 08/11/2004 cho anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét cử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Kiều T, sinh ngày 08/11/2004 cho anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này chị H đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011631 ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- VKSND thành phố H Phòng;
- TAND thành phố H Phòng;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Chỉnh**